ARC HOANG 111

Chinh-Phụ ngâm

Dẫn

I. Hán-văn. Đặng Trần-Côn. [1710? – 1745?]

Đại-ý / Nội-dung: Chinh-phụ-ngâm là một bài ngâm, tức là một bài làm ra (có vần, có điệu) để đọc lớn lên với giọng ~~trầm bổng réo rắt~~ than-vãn.

Đó là lời một người thiếu-phụ, chồng đi đánh giặc xa, ba bốn năm chưa về.

Nội-dung có thể chia ra làm mười ba phần, kể: ~~trường hợp~~ thời chinh-chiến, chồng phải xuất chinh, nỗi mình ở nhà thương-sợ, nhớ-nhung, lẻ loi, trông-ngóng, sầu-muộn, chán-nản, mong-mỏi, ngờ-vực, lo già, ước ao và cuối cùng là khẩn-cầu ~~và hi-vọng~~ và hi-vọng.

Tác giả: Tác giả khúc ngâm kia là Đặng Trần-Côn, một văn-hào cuối đời Lê. Ông người làng Nhân-mục ở cách phía tây Hà-nội chừng ba cây-số (Làng Mọc). Đó là theo Phạm Đình-Hổ viết trong sách Tang-thương-ngẫu-lục[1] vào khoảng đầu đời Nguyễn. Có lẽ hiệu ông là Bỉnh-trì (theo bản chép ở cuối sách Công-dư-tiệp-ký của đời)

Tuy quê ông ở gần Hà-nội, nhưng các nhà khảo-cứu từ trước không ai ~~biết~~ tìm được hành-trạng lý-lịch đích-xác của ông, ngoài lời ~~ông~~ Phạm Đình-Hổ. Theo lời ~~sách này~~ ~~Tang-thương-ngẫu-lục~~ thì Trần-Côn ~~người tính phóng túng không chịu~~ ~~dung~~ đi học ~~đi thi~~ đời Trịnh Uy-vương (tức là Trịnh Cang) ~~đang~~ đang phải bệnh, nghĩa là vào khoảng năm 1732 – 1761. Trịnh Cang ốm, cho nên năm 1740 trao ~~chức~~ ngôi vương lại cho em là Trịnh Doanh và ở riêng tại cung Thủy-trì.

Theo một bức thư Trần Côn gửi cho bạn là Phan Kính mời tới chơi trong ngày tết thì ta cũng biết rằng ông sống cùng thời với ~~Đ tào~~ Kính. Kính người xã ~~Lai thạch~~ Vĩnh-gia huyện La-sơn

(Margin notes: Bùi Huy-Bích (1) trong Hoàng Việt văn-tuyển chép: rằng năm 1740, Trần-Côn làm tri-phủ)

BULAC

Tang-thương-ngẫu-lục chép rằng ông có đôi yết-kiến ~~bà~~ Đoàn-thị-Điểm và bị bà chê là trẻ con. Ta sẽ thấy rằng Thị-Điểm sinh năm 1705.

đậu Thái-hoa khoa Quí-hợi 1743 và mất năm 1761

~~Tang-thương-ngẫu-lục lại cho ta biết rằng lúc ông già thì Ngô-thì-Sĩ cũng đã già. Ta biết rằng Ngô-Thì-Sĩ mất năm 1780.~~ (Sai) Thì Sĩ sinh năm 1721

Xét các tài-liệu ít-ỏi kia, ta có thể nhận rằng Trần-Côn sinh vào khoảng đầu thế-kỷ thứ 18, ~~vào~~ chừng vào năm 1705-1710

~~Tính ông hào-phóng, không chịu bó-buộc theo khuôn sáo. Thích rượu, thích thơ. Ông~~ chăm đọc sách. "Bấy giờ, chúa Uy-vương đau, ra ở cung Thưởng-liên. Trong kinh-thành có lệnh cấm lửa rất ngặt. Ông đào đất thành hố để ngồi đọc sách, làm bài không hề chút nghỉ" (2)

Ông thi đậu hương-cống, nhưng không đậu hội. Ấy vì "ông không chịu ràng-buộc về sự thi-cử". Ông được bổ chức huấn-đạo ở trường phủ.

Tính ông hào-phóng, thích rượu hay thơ. Lời thơ phú ông rất bóng-bảy, dùng điển-cố rất ~~ngữ~~ uyên-thâm, cho nên ở đời bấy giờ, thì văn ông rất được truyền-dụng, và được kẻ sĩ-thi chép học để làm khuôn-mẫu.

Đời hào-phóng không giúp cho sự làm quan. Và không đậu đại-khoa thì khó-lòng làm nên lớn. Cho nên ông chỉ làm đến chức Ngự-sử-đài-chiếu rồi mất.

Tuy Tang-thương-ngẫu-lục chép chuyện có chỗ chắc sai, ~~nhưng ta vẫn vào sự ông chừa mất lúc đang làm quan, và tuổi về hưu là 65, thì ta đoán chừng rằng ông mất vào khoảng gần trước 1775. Sau đây tôi sẽ đoán rằng ông có lẽ mất vào khoảng năm~~ 1743

nhưng tôi cũng sẽ căn vào đó và một vài cớ khác để đoán rằng ông mất vào khoảng năm 1743

(1) Tang-thương-ngẫu-lục, bản in Hiệu-thư-lâu 1906, quyển II, trang 35b.

(2) Theo Lê-sử-Tục-biên thì tới năm 1739, Hoàng Công-Phụ sai dựng cung Thưởng-trì để Trịnh Cương ở. Sau khi Cương thoái-vị, vẫn ở đó. Theo đây, thì việc Trần-Côn ~~ngồi~~ đọc sách trong hố phải xảy ra trước khi có cung Thưởng-trì, vì năm dựng cung ấy, Trần-Côn đã làm tri-phủ.

Tác-phẩm ông có nhiều bài phú như Tang-thương-ngẫu-lục còn chép đầu-đề: «Trương Hàn nhớ rau thuần cá lô», phú «Trương Lương áo vải», phú «Tiếng gõ cửa». Thơ nay còn tám bài «Tiêu-tương bát cảnh» mà Tang-thương-ngẫu-lục có trích một ít câu, và tôi còn có đủ. Tiểu-thuyết, thì, theo Tang-thương-ngẫu-lục, có «Bích-câu kỳ-ngộ». Nay bản khắc năm 1811 sách «Truyền-kỳ-tân-phả» của Đoàn-Thị-Điểm có thêm ba chuyện, không đề tên tác-giả: 1. Bích-câu kỳ-ngộ. — 2. Tùng-bách thuyết-thoại. — 3. Long-hổ đấu-kỳ. Có lẽ đó đều tác-phẩm của ông.

Tác-phẩm được người ta hâm-mộ và truyền-tụng nhất là Chinh-phụ-ngâm, mà tôi sẽ xét sau.

Hình-thức Chinh-phụ-ngâm

Chinh-phụ-ngâm đặt theo lối Nhạc-phủ, nghĩa là lời ca, gồm từng câu hai vế phần lớn đối nhau, thỉnh thoảng có chen một vế lẻ vào. Theo các bản còn lại tham-hợp với nhau, chấm câu một cách kỹ-lưỡng (3), thì khúc này có 477 vế.

Về vần, hoặc hai vế liền có vần, hoặc cách một vế mới có vần. Đó tùy theo vần tới trong khi tác-giả thảo. Vần hoặc bằng hoặc trắc. Một vần gồm nhiều ít vế, cũng tùy hứng, chứ không nhất-định.

Còn số câu trong một vế, có từ ba đến mười, cũng không định-luật gì.

Về sự đối, hoặc đối tùy tiết dài, hoặc đối

(3) Những sách xuất-bản gần đây đã từng hoặc chấm câu cách khác, hoặc theo một bản cũ bỏ sót một ít vế.

Xem lịch trình biến Miêng

hai vế; sự ấy cũng tùy biết tác-giả mà thôi.

Nguyên-văn có lẽ không chia ý đàn bài. Nhưng muốn phân-tích ý cho dễ hiểu, tôi đã chia, ~~theo~~ như trên đã nói. Phép chia là theo ý mà cũng theo nguyên-vận, nghĩa là cuối một tiết phải ở cuối một vần, tuy rằng có tiết gồm nhiều vần.

Năm trước tác. Nay không có một chứng gì để ta biết sở Chinh-phụ-ngâm soạn vào năm nào. Sách Tang-thương ngẫu-lục chép: « Tác giả, ông làm Chinh-phụ-ngâm ~~trước~~ trên dưới có vài ngàn chữ »(1), rồi lại nói rằng sau đó chừng quá ba năm ~~Ta sẽ thấy rằng Nguyễn Thị-Điểm có dịch bài ngâm ấy, mà ba mẹ ba~~ ông mất.

Ta sẽ thấy rằng Nguyễn Thị-Điểm lấy Nguyễn Kiều năm 1741 ~~và mất năm 1746~~. Vừa lấy chồng, thì chồng đi sứ Thanh, trong ba năm mới về, tức là vào năm 1744. Ta có thể ~~đoán~~ tin rằng bà diễn-nôm bản Chinh-phụ vào khoảng ấy. Vậy Chinh-phụ-ngâm được viết ra trước đó nghĩa là trong thời đầu Cảnh-hưng (1740-1744)

Bấy-giờ Đặng Trần-Côn ~~chưa~~ tuổi gần khoảng 40 mà thôi. ~~Có lẽ~~ Nếu thật chỉ ba năm sau, ông mất thì ông mất vào khoảng gần năm 1745, và chỉ thọ ~~ngoài~~ chừng bốn mươi tuổi.

Nguyên-do và ~~giá trị~~ ~~tập~~ nội-dung.

Như trên đã nói, Đặng Trần-Côn là người tài-hoa, văn-từ điêu-luyện, lại thích trước-tác. Đối với ~~những kẻ~~ một tài-tử như ông, thì Đường-thi, Nhạc-phủ là những thiên hay ngày ngâm-ngợi và đã nhập-tâm. ~~Mà~~ Trong các thi-ca ấy ~~thì~~ có biết bao bài tả-thân về việc binh-đao [xem Lý Bạch, Đỗ-Phủ, Bạch Cư-dị, vân vân..].

(1) « Văn-niên, tác Chinh-phụ-ngâm, thượng-hạ ước số thiên ngôn » Chữ ngôn đây nghĩa là tiếng, chữ. Thật ra có chừng 3.000 chữ.

Và bây giờ ~~bấy~~ ở nước ta, trong vùng chúa Trịnh kiểm-soát cũng ~~biết~~ có bao nhiêu cuộc loạn nổi lên chống Trịnh phù Lê, hoặc ~~chống~~ để ~~thảo~~ thoả chí phiêu-lưu của một vài anh-hùng thảo-dã. Duyên cớ là vì lúc Trịnh Giang cầm quyền (1729-1740) trong mười một năm, đã giết vua Lê (Duy-Phường - 1735), hại các đại-thần có danh-vọng, lại dâm-đãng, xa-hoa, dùng tự hoạn thần chuyên chính, làm cho dân không chịu nổi sưu-thuế.

Đến khi các triều-thần truất Giang và tôn Trịnh Doanh lên làm chúa (1740) thì mới bắt đầu dẹp được các cuộc nội-biến. Quân-dân bị mọi điều cơ-cực. Các nho-thần cũng như võ-tướng đều phải bỏ nhà ra trận luôn-luôn và nhiều vị đã bị thiệt-thân.

Trường-hợp ấy ghép đúng với những cảnh than-van trong các Đường-thi, Nhạc-phủ. Vì vậy Đặng Trần-Côn viết Chinh-phụ-ngâm trong khoảng này là đúng lẽ.

Ta thử tưởng-tượng lại bức tai-hoạ kia: trước cảnh tượng ~~chiến~~ loạn-li ~~kia~~, sao không nghĩ đến khúc nhạc phủ: «Tái-hạ» của Lý Bạch:

Lửa hiệu đóng sa-mạc,
Luôn chiếu mây Cam-tuyền.
Vua Hán chống gươm dậy,
Về triệu Lý tướng-quân. (Lý Quảng)
~~Binh khí bay lên trời~~
~~Trống trông đông dưới lũng.~~
~~Giặc Hồ đến thu tới~~
~~Quân Hơi ở Hải ra~~

Giặc Ninh-xá, chiếm Kinh-bắc, Hải dương ~~tới~~ (1739).
Giặc Ngân-già, chiếm vùng Sơn-nam (1740)
~~Giặc~~ Nguyễn Hữu-Cầu ~~(1742)~~ chiếm vùng Đồ-sơn, Hải dương (1742)
~~Giặc~~ Nguyễn Danh-Phương ~~(1740)~~ chiếm vùng Sơn tây (1740)
Hoàng-công-Chất ~~(1739)~~ chiếm vùng Khoái-châu (1739)
Lê Duy Mật chiếm vùng Trấn-ninh (1739)

hoặc: Ngựa hay như gió táp;
Thét rơi ra cầu Vị.
Cung cong gửi tăng Hán;
Hịch lông phá giặc Trời.
Trận ~~tan~~ xong bóng sao hãn;
Dinh hết mù bể tan.
Công thành vẽ Lân-các.
Chỉ có Hoắc Phiêu-diêu.

Đọc mấy câu trên ta liền hiểu cái nguồn thơ của Đặng Trần-Côn ở đâu phát ra.

Cho đến ~~những~~ cách đặt câu, luợm ý, ta cũng thấy phương-pháp của tác-giả. Bao nhiêu những điển-cố, những văn-liệu liên quan đến chinh-chiến, chinh-phu, chinh-phụ, tác-giả đã thu vào trong khuôn mới, mà nhiều khi lại lấy hoàn-toàn cả câu văn cũ, hoặc chỉ sửa đổi một vài chữ mà thôi.

Vì vậy mà các tên đất luợm trong Chinh-phụ-ngâm hầu hết là những nơi quan-ải đời Hán, đời Đường để giữ dân Hung-nô hay Đột-quyết, ở trong tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc.

Mới đây ông Thuần-phong[5] ~~(trong Chinh phụ Ngâm Khúc giảng luận)~~ đã có xảo-tứ biện rằng, ngoài những tên đất tượng-trưng, có một vài tên chỉ rõ quê quán Chinh-phu ở Hàm-dương, và chỗ hành-quân ~~là~~ ở ~~Tiêu~~ Tiêu-tương, và như vậy thì hợp vào câu "Chàng đi ~~khơi~~ sang đông-nam khơi nẻo"

Theo ý tôi thì giảng như thế phải cưỡng-ép nhiều, mà bắt buộc phải quên rằng báo hiệu có giặc ở phương bắc, mà đi đánh lại khởi-hành đi nam đi Tiêu-tương. Đã vậy rằng chỗ chinh-phụ ở lại là chỗ kinh-đô. Còn chỗ ~~đi~~ đánh thì khó mà phân-định.

Còn phương đông-nam ở trong câu trên, thì cũng lạ. Hoặc giả lại có một câu thơ cổ nào ~~có~~ nói đến

(5) Trong sách Chinh-phụ-ngâm giảng luận — Lê-văn-cang 1951 — trang 70 trở xuống

xuất-hành đông nam chăng? Hoặc giả ở chỗ này, Đặng Trần-Côn đã nghĩ tới ông bạn nào đi đánh giặc Ngân-già ở vùng Sơn-nam được thời chăng?

Nói tóm lại thì, theo ý tôi, cả khúc ngâm này gần như một bài "phỏng-cổ" vừa ý, vừa lời, góp-nhặt các ý xưa, lời xưa tản-mát trong nhạc-phủ, Đường-thi mà chưa đi, xếp lại, thêm ý mình, thành một bài có mạch-lạc.

Tự-nhiên rằng kẻ đọc có thể thử, từ đó, tìm sự hữu-lý cho chuyện xuất-chinh này đối với thời-gian và không-gian. Nhưng riêng tác-giả chưa chắc đã nghĩ tới một cách rõ-rệt.

Giá-trị. Giá-trị văn-chương không phải vì thế mà kém đi. Duy về phương-diện từ-điệu, thì khúc ngâm này là một khúc hát réo-rắt. Tuy ta đọc Hán-văn bằng tiếng ta, tuy không tìm hiểu nghĩa, ta cũng thấy điệu thơ êm, nhịp thơ biến đổi, lúc chóng, lúc chậm, lúc cân-đối, lúc cố ý mất thăng-bằng.

(xem Lê-quí-Đôn và Phan-Huy Chú.)

Sau khi ta tìm hiểu nghĩa thì ta lại thấy nhiều đoạn não-nùng cảm-động.

Tuy-nhiên, văn là văn sáo. Mà văn sáo là văn tượng-trưng. Đối với cảnh-ngộ, nhân-vật tượng-trưng thì văn tượng-trưng cũng là lẽ tất-nhiên. Mà văn là cốt cảm được người. Người nước ta, và cả Á-đông, nhất là khi chưa Âu-châu (chịu ảnh-hưởng), cũng có một tâm-tình chung, sáo. Cho nên một khúc ngâm như thế này đã làm rung-động tâm lòng các sĩ-phu và cả người nước ta.

Trung-quốc nữa.

Sách Tang-thương-ngẫu-lục có chép rằng: « Khi làm bài ngâm xong, Đặng Trần-Côn đưa cho Ngô-Thì-Sĩ xem. ~~Ngô~~ Thì-Sĩ thán-phục và nói Văn như thế nầy thì áp-đảo lão Ngô nầy! Bài ngâm được chép, truyền sang tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây. Có kẻ ~~biết đoán số-mệnh nói~~ hiểu số-mệnh nói: Tinh-thần tác-giả trút hết vào trong bài nầy. Vậy

[] không quá ba năm, y sẽ chết. » [Chép như trên có chỗ sai vì Ngô Thì-Sĩ (1725-1780) sinh sau Đặng Trần-Côn khá lâu. Lúc Chinh-phụ-ngâm ra đời thì Thì-Sĩ ~~mới chừng~~ chưa tới hai mươi tuổi. Hoặc giả, sau lâu rồi, Thì-Sĩ đọc Chinh-phụ-ngâm mà thán-phục như vậy. Hoặc giả Trần-Côn đã đưa cho một văn-hào nào khác xem và người ấy có câu thán-phục kia. Đại-để Phạm Đình-Hổ viết ký-ức chuyện truyền-tụng xảy ra sáu bảy mươi năm về trước, có nhiều chỗ sai. Cho nên chép chuyện nầy sai ít nhiều, ta cũng không nên lấy làm lạ.

<u>Ảnh-hưởng</u> Ảnh-hưởng bài ngâm nầy lan khắp. Ai đọc cũng lấy làm khoái-trá. Nhưng lời là lời của đàn-bà, mà đàn-bà có đủ học-lực đọc bài nầy biết hay, thì rất ít. Có chăng chỉ có hạng như Đoàn Thị-Điểm mà thôi. Vậy, người đương thời và đời sau đua nhau diễn ra quốc-âm để ai cũng hiểu được ít-nhiều. Sau đây ta sẽ thấy còn nhiều người diễn hoặc theo ý mà làm khúc ca.

Nho-sĩ có kẻ, vì mến âm-điệu bài ngâm hay, mà muốn bắt chước làm bài khác. Tôi đã thấy

một bài đề Chinh-phụ-ngâm, nghĩa là lời người đi đánh ~~ngâm~~ nghĩ đến vợ mà than. Có chú-thích rằng: «Hình-bộ thượng-thư Hồng-liệt-bá (tước) theo điệu Chinh-phụ-ngâm mà làm bài Chinh-phu-ngâm và có chú-thích ~~cẩn~~ kỹ-càng». Bài này nay còn (6), nó làm cho ta hiểu rõ Chinh-phụ-ngâm một phần nào.

Có lẽ ~~cũng vì có bài~~ Chinh-phụ-ngâm là tổ các bài ngâm khác bằng quốc-âm ~~ở~~ như Cung-oán ngâm, Bần-nữ-thán.

II. Ấn-bản và sao-bản

Bản ~~bao~~ khắc phường — Một điều ta muốn biết là đối với một bài được hoan-nghênh như thế, các nhà thợ khắc ở Liễu-chàng ~~có khắc~~ đời Lê có khắc hay không? hay là chỉ người này sao chuyền người khác mà thôi. Sự chắc chắn là vào đời Tự-đức có bản khắc (7) ở phường hàng Gai. (~~luôn với bản diễn-ca~~) Bản ấy sau này được khắc lại bởi nhà Trường-thịnh (viết tắt: bản Tt) vào khoảng đời Thành-thái (8) và sau lại được tái-bản nhiều lần. ~~Các bản còn đến thuộc khổ nhỏ gần tờ~~

Mỗi trường gồm hai phần: trên là Hán-văn, dưới là bản diễn-ca ~~thường~~ cho là của Đoàn-Thị-Điểm (8)

Bản Long-hoà — Lại có một bản khắc thứ hai, ~~độc~~ không liên-quan với bản Tt trên, do nhà Long-hoà ở hàng Thiếc, Hà-nội, khắc năm 1902 (viết tắt: bản Lh) và được khắc lại năm 1922 bởi nhà Liễu-văn-đường.

Ta còn biết tung-tích bản này, nhờ có bài ~~bạt~~ khải (trình) của kẻ đem khắc. Bài ấy sẽ dịch sau:

« Bản Chinh-phụ-ngâm này có cái chưa có, nếu không là kẻ học rộng thì không làm nổi. Muốn nghe những điều nghe rộng, nếu không có bản thật-lục thì không rõ.

« Nhớ xưa Đặng tiên-sinh làm sách ấy, Đoàn phu-nhân diễn ra quốc-âm. Trải qua bao năm, càng lâu thì khắc lại

(6) Sao lại ở ~~bản~~ sách số A. ở Đông-phương-bác-cổ, Hà-nội

(7) Trường Đông-phương-ngữ ở Pari trước có bản ~~của Abel des Michels~~ mua đời Tự-đức. Nhưng nay đã mất.

(8) Đông-phương-bác-cổ ở Hà-nội và Quốc-gia thư-viện ở Pari có. Khổ nhỏ gồm tờ

càng sai.

« Bù chỗ sót, chữa chỗ nghi; ấy lão nầy đâu dám!

« May sao được có ông bạn, người làng Xuân-canh, tỉnh Bắc-ninh, họ Bùi, tự Trọng-Đài, vốn là một nhà ~~có~~ nhiều đời đi học. Trong nhà chứa nhiều sách quí. Thấy lão áy-náy về sự sót và nghi trong ~~sách~~ Chinh-phụ-ngâm, ông đã sao bản di-cảo còn có, rồi đem cho lão.

« Lão nghĩ rằng bản ấy bổ-ích không ít. Cho nên dám đem khắc toàn-biên, để đãi các quân-tử đời sau.

« Năm Giáp-thìn (1904) ngày rằm tháng bảy.

« Lão già 63 tuổi, hàm Chánh-thất văn-giai, họ Vũ, hiệu Thiên-thủy-khẩu (Vũ Hoạt) kính-cẩn xin trình ».

Đặc-điểm của bản nầy là có phần chú-thích bằng Hán-văn, dẫn những văn-liệu có liên-quan đến điển-cố hoặc đến ý lời trong văn Đặng Trần-Côn. Phần chú-thích có xưa, nhiều nơi ta sẽ thấy rằng ~~văn~~ chính-văn Chinh-phụ-ngâm ~~ở phần dưới~~ đã bị chữa, mà chú-thích vẫn để như cũ. Phần ấy gồm 206 chú-thích, ~~nhưng một phần đối với ta không~~ nguyên-do có nhiều mới, và phép chú-thích cũng không giống như phép ngày nay ta theo. ~~Ta chú-thích~~ Những chữ không rõ nghĩa thì ta bây giờ cắt nghĩa. Những điển-tích lấy ở những chuyện đời xưa, như việc xưa, tên người, tên đất, thì ta ~~kể lại~~ thuật chuyện lại, lược-thuật đoạn đời đặc-biệt của người và trỏ rõ địa-điểm, đặc-tính của đất. Còn đời xưa đối với các nhà thâm-nho, thì họ cho là ai đã đọc thì cũng biết chuyện rồi; chú-thích là dẫn dẫn những câu văn-cổ liên-quan đến các ý ấy, hình-như muốn nhắc ta rằng tác-giả lúc viết câu nầy thì đã nghĩ đến câu cổ-văn kia.

Để sau

~~Nhưng~~ cũng có chú-thích làm ta hiểu rõ câu văn

M

nhưng cũng nhiều chú-thích vô-ích về đường hiểu nghĩa. Sau này tôi sẽ dùng một phần chú-thích ấy và sẽ gọi là nguyên-chú [viết tắt Nc.].

Vì có phần chú-thích, cho nên Vũ Hoạt đã đặt tên cho bản Long-hoà là "Chinh-phụ-ngâm bị-khảo"

Ai là kẻ chú-thích? Không thấy đâu nói tới. Theo ý tôi, thì có lẽ là ông Thượng-thư bộ Hình, được Hồng-liệt-bá, người đã dựa theo diễn Chinh-phụ-ngâm, mà soạn Chinh-phụ-ngâm và chú-thích kỹ-càng.

Nói tóm lại, bản Long-hoà gồm ba phần, đều khắc vào các trương. Phần trên: chú-thích, phần giữa: Hán-văn Chinh-phụ-ngâm, phần dưới: Bản diễn-âm nói là của Đoàn-thị-điểm. Ở trên cùng, thỉnh-thoảng Vũ Hoạt có chú thích riêng một vài âm hoặc một vài ý của chữ Hán.(9)

Bản viết cũ. Về các bản sao lại, như trong các sách xuất-bản trong vài mươi năm nay, thì phần lớn là sao lại một trong hai bản khắc trên. Thỉnh thoảng cũng có một vài chữ khác, nhưng đó là sao lầm, hay kẻ sao tự chữa.

Cho đến các bản viết còn lại, cũng thường là bản sao bản khắc Lh hoặc Tt mà thôi (10)

Riêng tôi có thấy một bản viết cũ, giấy đã vàng [viết tắt bản Vc] khổ lớn, chữ viết liền chi-chít, lại có nét chữa, nét thêm.

Nó gồm có bản Hán-văn, hai bản diễn-ca khác bản ta thường biết [tôi sẽ gọi là bản B và C] và hai bài ca dựa theo ý Chinh-phụ-ngâm, nhưng không dịch (tôi sẽ gọi là bản E và F)

(9) Đông-phương bác-cổ ở Hanoi và Quốc-gia thư-viện ở Paris đều có bản ấy, xuất bản một lần với Phan-Trần và Cung-oán-ngâm-khúc và gọi chung là Danh-gia quốc-âm.

(10) Đông-phương bác-cổ có bản A, khổ , 33 tờ, hay tám chỉ là sao lại bản Tt và sửa chữa một vài chữ.

~~hai vế, sự ấy cũng tay trái hợp biết tác-giả mà thôi:~~

Trong năm bản, chỉ có bản E có đề hiệu tác-giả là Bạch-liên-am họ Nguyễn.

Sự đáng chú-ý trước nhất là bản B có đề hai chữ Nữ-giới, mà bản ấy không phải bản ta thường cho là của Đoàn Thị-Điểm. Sau này tôi sẽ bàn nhiều về nhận thấy ấy.

Riêng về phần Hán-văn, bản này khác các bản Tt và Lh ở nhiều chữ quan-hệ, ~~tại là~~ So-sánh với các bản diễn-âm B.C.D và chú thích Nc thì thấy phần lớn ở những chỗ ~~khác~~ ấy bản Việt cũ là hợp hơn. Nhưng bản Vc lại có nét chữa lại ít nhiều. ~~Vì sao~~ Ai chữa?/

mới hay xưa. (khó)
lòng biết được
So-sánh

Nói tóm lại, tôi đã lấy ba bản Việt-cũ, Trường-thịnh Long-hoà làm gốc cho phần Hán-văn của Đặng Trần-Côn. Trong ba bản ấy, bản Vc là xưa hơn cả.

Hai bản Tt và Lh gần như nhau, và cả hai đều không có hai vế 379-380. Thế mà ở phần chú-thích Nc lại có chú-thích hai câu ấy. Thế đủ làm ta hiểu rằng phần Nc là xưa hơn phần Hán-văn trong bản Lh, ~~và có lẽ phần Hán-văn Lh chỉ là sao lại bản trường-thịnh~~. Bản Lh ~~cũng~~ lại không có hai vế 414, 415 (Bản Vc nguyên không có, sao thêm)

Tôi sẽ lấy bản Vc làm gốc chính, sẽ chua những ~~chỗ~~ dị-~~đa~~ điểm. Có chữ nào ~~rõ ràng~~ chắc rằng Vc sai, thì tôi sẽ theo hai bản kia. Trước lúc chọn, tôi sẽ xét các bản diễn-ca A, B.C, D và chú-thích Nc. Làm như vậy, tôi nghĩ rằng đã đạt được đến gần ~~chính văn~~ nguyên-văn như bản xưa.

III Diễn-âm

Các bản diễn âm. Sau khi Đặng Trần-Côn thảo xong, Chinh-phụ-ngâm được truyền tụng. ~~Kẻ nho học được~~ Người ta đọc lấy làm khoái-trá. ~~Ngữa tâm lòng rung động, tự nhiên~~ Đang thời, ~~cho nên~~ thi ca bằng quốc-âm rất được chuộng. Các chúa như Trịnh Căn () Trịnh Cương () đều ~~đã~~ thích làm thơ nôm, ~~các triều-sĩ dùng thơ~~ thường lại lấy thơ ~~nôm~~ phú nôm để thi các triều-thần. Các văn-sĩ tặng đáp nhau cũng ~~thường~~ thường bằng thơ nôm. Cho đến các nhà nho trong lúc hưu thư, thường hoặc làm chuyện dài bằng nôm (như Khuê Thao, Ong Ninh, Thiên-nam ngữ-lục) hoặc diễn-âm các chuyện Tàu (như Tam-quốc, Nam-Tống, Tây Du).

Ta có thể đoán rằng, với một nguồn thơ dồi-dào và hợp thời, với một từ-điệu réo-rắt, Chinh-phụ-ngâm đã gợi lòng thơ biết bao thi-sĩ. Vì vậy sau đó, nhiều người đã diễn-âm khúc ấy

Chứng cớ là lời ~~thơ~~ bài thơ của Phan Huy-ích trong ~~Dụ am thi tập~~ tập Vân-du Tùy-bút [Dụ-am ~~thi~~ ngâm tập quyển 6] có bài thơ: «Tân diễn Chinh-phụ Ngâm-khúc thành ngẫu thuật» nghĩa là «Diễn-âm xong Chinh-phụ-ngâm-khúc, ~~kể~~ kể lại»

Nhân-mục tiên-sinh Chinh-phụ-ngâm,
Cao-tình dật-điệu bá từ-lâm.
Cận-lai khoái-trá tương truyền-tụng,
Đa hữu thôi-xao vị diễn âm.
Vận luật hạt cung văn mạch túy
Thiên chương tu hướng ~~ko~~ nhạc thanh tầm.
Nhàn trung phiên-dịch thành tân-khúc,
Tự tín suy minh tác-giả tâm

Dịch: ~~Tiên sinh người Nhân-mục (Đặng Trần Côn)~~

« Khúc Chinh-phụ-ngâm của tiên-sinh người Nhân-mục,
Tình cao, điệu lạ, trùm cả ~~chốn~~ rừng văn.
Gần đây truyền đọc lấy làm thích lắm,
Đã nhiều người trau giồi mà diễn âm.
~~Vậy~~ vần, ~~đúng~~ luật, há diễn được hết ~~cái hay~~ tinh-túy của mạch-văn,
Nên theo từng thiên, từng chương mà cốt tìm âm thanh cho êm.
Trong khi thong-thả, ta phiên-dịch thành khúc mới.
Ta tin rằng đã ~~hiểu~~ suy rõ được lòng tác-giả. »

Ta thấy rằng Phan Huy-Ích đã diễn-âm Chinh-phụ-ngâm, và trước ông, nghĩa là trong đời Lê, đã nhiều người diễn

Trong số ấy, đọc truyền rằng có Đoàn thị-Điểm, ~~Một sách nói Khái~~ (và hình như [10] Nguyễn Khản [12] ~~(anh Nguyễn D~~

Nay còn thấy 4 bản diễn-âm ~~Trong đó~~ theo gần từng câu

1- Bản A. Bản thường được truyền-tụng, khắc bằng chữ nôm và phiên-âm trong các bản quốc-ngữ. Sao này sẽ xét kỹ.

2, 3- Bản B và C Chép bằng chữ nôm ở bản Vc đã nói trên. Hai bản này diễn sát nghĩa các câu Hán-văn Bản ~~4- Bản~~ B có ~~4~~ 496 vế và bản C 440 vế

4- Bản D ~~Bởi một kẻ đã phiên-âm cho ông Nguyễn Quang Quách~~ Cũng chép bằng chữ nôm, ~~nay đã~~ mới bị mất, nhưng tôi còn bản phiên-âm, nhưng thiếu sót một ít chữ và đoạn cuối. Nay còn 440 vế, và thiếu chừng 16 vế.

Các bản B, C, D . Ba bản này, như tôi đã nói, có tính cách là diễn sát nghĩa các câu Hán-văn. Ít chú-ý về lời, văn không được trôi chảy và vần có lúc ép.

11 Trong bản để ở Đông phương Bác-cổ để chữ bá là truyền-bá, nhưng tôi nghĩ rằng chữ bá là làm bá-chủ phải nghĩa hơn.

12 Anh Nguyễn Du, hay làm thi văn nôm (Tự-Tình Khúc). Ông Lê Dư có kể cho tôi nghe rằng ông có thấy ở Tàu nói đến chuyện ấy.

Cũng có một vài câu sai cả nghĩa Hán-văn. Sự sai ấy ~~Về chỗ ở tiếng dùng, nhiều tiếng xưa, thường dùng trong văn đời cuối thế Lê, đầu Nguyễn~~ một phần vì hiểu lầm điển-tích, nhưng cũng có khi vì bản Hán-văn, mà diễn-giả theo, khác một vài chữ bản ta có ngày nay.

~~Về~~ Tiếng dùng, ~~thì nhiều tiếng~~ có nhiều tiếng xưa, thường thấy ở văn cuối Lê, đầu Nguyễn. Tuy đối, các bản ấy xưa hơn bản A. Nhưng ta cũng không nên quên rằng rằng bản A, thông-dụng, đã bị kẻ sao, khảo, tự sửa-chữa các chữ xưa.

__Diễn-giả__ Như đã nói trên, tục truyền ~~và~~ hoặc bằng-chứng chắc-chắn cho ta biết rằng trong các diễn-giả có ~~Ngu~~ Đoàn Thị-Điểm, Nguyễn Khản (?) Phan Huy-Ích.

Về Nguyễn Khản, thì nay không có bằng-chứng gì nữa, ngoài sự Nguyễn Khản có tiếng thích văn Quốc-âm và ~~đã~~ nay còn một vài bài, nhất là bài ~~Tự~~ ~~Tự-tình~~ __Thuật hoài__ khi bị chú Trịnh Tĩnh-vương (Sâm) bắt giam vì đã bênh Trịnh Khải và chống việc lập Trịnh Cán làm thế-tử.

Về Phan-Huy-Ích, thì chứng-cớ hiển-nhiên, như đã kể trên.

Còn về Đoàn Thị-Điểm, theo tôi, thì mới từ bản khắc Long-hoà (1902) mới có kẻ ~~viết~~ chép sự bà có dịch Chinh-phụ-ngâm.

Các nhà ~~t~~ ~~đ~~ khảo-cứu về việc này, như các ông ~~Đông-châu~~, ~~Nguyễn~~ Đông Châu, Trúc khê, Hoa Bằng, Thuần phong cũng đều nhận thấy sự ~~cũng~~ các sách cũ nói về

Đoàn Thị Điểm, như Tang-thương-ngẫu lục, Đoàn-thị thực-lục không hề nói đến chuyện bà dịch Chinh-phụ-ngâm.

Đoàn-thị thực-lục, tức là gia-phả họ Đoàn, do ~~cháu~~ cháu rể anh bà viết, có cho ta biết rằng bà, cũng như phần lớn người đồng-thời, có làm văn-nôm. Thực-lục chép rằng: « Năm ~~bà~~ cô 16 tuổi, thượng-thư Lê Anh-Tuấn không có con gái, muốn nuôi bà làm con, để dâng cho chúa. Lúc ~~bà~~ cô mới tới nhà, ông muốn thử làm thơ để xem tài học. Ông bèn ra đầu đề: "Một ngày không thấy, như là ba ~~đ~~ thu." và bảo làm thơ bằng quốc-âm. ~~B~~ Cô bèn ngâm rằng: "Những mảng mây khắc giăng cầm hạc, Ngỡ đã và phen đổi là ngô. » Đó là hai câu thích-thật đề-mục kia. Thật-lục có kể các chuyện văn-chương khác, từ câu đối ~~với~~ làm với anh là Đoàn Luân, đến các tiểu-thuyết truyền-tụng. Lại nói: « Khi nhàn-hạ làm những bài hay, câu đẹp, kể hàng chục hàng trăm. Di-cảo của bà thì chỉ có nhà quan thượng-thư Nguyễn Nghiễm người Tiên-điền là có giữ bản chép tốt »

Thế mà Thực-lục không hề nói gì ~~đến chuyện bà~~ liên-quan đến Đặng Trần-Côn và Chinh-phụ-ngâm.

Sách Tang-thương ngẫu-lục trong bài chép về ~~Đặng Trần Côn~~ bà [Nguyễn-công Kiều á-phu-nhân. Quyển I, trước 43] lại nói rằng: « Đặng Trần-Côn hâm-mộ tiếng bà, làm một bài thơ, ~~theo bài~~ gửi bà xem để xin gặp. Bà cười và bảo: "Trẻ con mới đi học, chưa đủ ~~giải~~ làm nghĩa!" Đặng bèn tức lắm, về càng chăm học. Tôi không tin lời chép là đúng, vì Tang thương-ngẫu lục ~~đây~~ đoạn sau chép sai rằng ~~không~~ Nguyễn Kiều mất trước Đoàn thị Điểm. ~~Những câu chuyện tiểu làm cho ta~~

thấy rằng Đặng-công và Đoàn phu-nhân có chỗ liên quan. Nếu thật bà là bậc chị, thì sau đó bà có diễn văn của Đặng cũng không vô-lý.

Trong câu chuyện trên, ta chỉ nên nhớ rằng theo chỗ tục truyền, thì Đặng-công và Đoàn phu-nhân có chỗ liên-quan với nhau. Chắc cũng vì sự liên quan ấy, cho nên kẻ xuất bản những tiểu-thuyết của bà đã ~~ghép theo cái thi~~ phụ thêm các tiểu thuyết của Đặng [trong Truyền-kỳ-tân-phổ].

Một điều đáng chú-ý nữa là tục còn truyền rằng Đoàn thị Điểm đã soạn chuyện Phan-Trần. Kiều Oánh-Mậu trong tựa chuyện Tì-bà, viết năm 1891, có nói đến « Chuyện Ngọc-trâm, tức là chuyện Phan-Trần, mà tục truyền là của tài-nữ Đoàn Điểm diễn ra, mà thật là của Đỗ Hữu-Khác, ~~tức~~ tên Cẩn, tiến-sĩ đời Lê (đậu năm 1478) ~~bà~~ viết đầu-tiên.

Vả chăng, trong bản Vc, ~~chép~~ trước các bài diễn âm, có đề ~~A~~ hai chữ « Nữ-giới », nghĩa là bài diễn sau là của đàn bà.

Xem các điều tôi đã dẫn trên, thì ta thấy rằng, tuy không có chứng chắc-chắn ~~nói~~ tỏ ~~bà~~ Đoàn Thị-Điểm có diễn nôm, nhưng sự ấy đã truyền-khẩu từ lâu, và có phần đúng sự thật. Vậy ta khẳng-nhận rằng Đoàn thị-Điểm đã diễn âm Chinh-phụ-ngâm; và như tôi đã nói trên, có lẽ bà diễn trong khi chồng đi sứ Thanh, trong khoảng những năm 1741-1744.

Ai diễn — Các bản diễn-âm A, B, là của ai?

Bản A là bản được truyền-tụng và khảo bản từ

trước đến nay. ~~Hình như từ trước không~~

Đến ~~đầu thế kỷ~~ năm 1902, bản khắc không hề có đề tên diễn-giả. Bản Long-hoà khắc năm 1902 là bản đầu có đề

« Thanh-trì Nhâm-mục Đặng-trần tiên-sinh Côn trước

Văn-giang Trung-phủ Đoàn phu-nhân Điểm diễn-âm »

nhưng tôi nghĩ rằng đó là bởi ông Vũ Hoạt đề nam ấy, chứ không phải có ~~của~~ ở nguyên-bản của Bùi Hạng-Đại.

Một mặt khác ông Phan Huy-Triêm dòng-dõi Phan Huy-Ích đã nói rằng Phan Huy-Ích đã từng dịch Chinh-phụ ngâm (sự ấy đúng) ~~và bản diễn-âm là bài thường nói là của Đoàn Thị Điểm~~ và « Hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính vừa chữ vừa nôm ». Ông Huy-Chiêm không nói rõ bản dịch ấy là bản đã được khắc hay là bản khắc. Tuy ông Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến và sau đó ông Hoa-bằng Hoàng Thúc-Trâm có yêu-cầu ông Huy-Triêm ban-bố bản-dịch của Huy-Ích, nhưng chưa từng thấy trả lời.

Tôi đành phải tạm xét vấn-đề này, với sự khuyết-điểm ấy.

Trước hết, ta nhận rằng ~~Phan Huy-Ích có Đoàn Thị-Điểm có diễn-âm~~

1- ~~Đời~~ Lê có nhiều người diễn-âm Chinh-phụ-ngâm

2- Trong số có Đoàn Thị-Điểm, diễn vào khoảng 1741-44

3- Phan Huy-Ích chắc có diễn-âm Chinh-phụ-ngâm và diễn sau Đoàn Thị-Điểm (và khoảng 1803-1804)

4. Hiện nay còn có bốn bản diễn-âm A, B, C, D. Trong số đó chỉ một mình bản A được khắc và được truyền nhiều

Tôi cũng đã viết thư cho ông Phan Huy Chiêm yêu-cầu về việc này, nhưng nay vì chiến-tranh, nên chưa được trả-lời mà sợ binh-hoả làm mất ~~cả~~ những vết còn lại có thể giúp ích cho sự khảo-cứu

~~Mất ngữ khuyết đầu bài~~ Một câu hỏi đặt ra là bản A ấy của ai? có phải là của Đoàn Thị-Điểm như lời bản khảo Long-hoà chép không? Hay là bản ấy là của Phan Huy Ích là người có để dấu vết chắc-chắn đã có diễn lại sau nhiều người khác?

~~Trước hết, bản viết cũ nhất (bản Vc) không có bài do A, tuy rằng có chép bốn bài B.C, E, F.~~ Sự ấy tỏ rằng

a/ Trước hết, về lời văn ~~mà~~ trôi chảy, dịu-dàng, ~~về ý-nghĩa và~~ thì bản A là hơn cả.

b/ Thứ hai, bản viết cũ nhất (bản Vc) không có bài A, tuy rằng có chép bốn bài B.C, E, F.

c/ Thứ ba, trước bài B ở ~~trong~~ bản Vc có đề hai chữ «Nữ-giới», nghĩa là về phe đàn-bà; nó tỏ rằng bài B là của người đàn-bà làm ra.

d/ Thứ tư, bài thơ của Phan Huy-Ích làm sau khi diễn Chinh-phụ ngâm cho ta biết rằng ông ~~không~~ chỉ hay ~~ý mà theo~~ theo từng thiên từng chương mà cốt tìm «nhạc thanh» mà êm-ái chứ không tìm diễn hết ~~mà~~ chi-tiết trong Hán-văn, vì ~~để~~ lấy văn ~~văn~~ có luật có vần thì diễn như thế sẽ ép.

~~Theo sự nhận xét b thì bản B cũ hơn bản A.~~ Theo c thì ~~bà~~ có lẽ B là của Đoàn Thị-Điểm. Các khoản a, b, d lại làm tăng sự nhận ấy. Khoản a tỏ rằng bài B cũ hơn bài A. Xét nội dung thì bản A hợp với cách diễn-âm của Phan Huy-Ích, nghĩa là ~~tác~~ tác giả bài A đã không câu-nệ dịch từng chữ, mà chỉ lấy ý rồi xáo-trộn các câu, rút bớt chỗ lặp, mà đặt nên những câu trôi chảy, réo-rắt đọc nghe êm xuôi như văn trước tác.

Sau đây có để dấu riêng để nhận thấy sự xáo trộn, ~~bỏ~~ rút ngắn hoặc bỏ bớt ấy.

Và chăng, theo lý mà xét, ta nhận thấy rằng kẻ diễn-âm sau chắc đã tìm cách diễn cho hay hơn các bài cũ, nhất là đối với một tay Tiến-sĩ vào bậc tài-hoa như Phan Huy-Ích, thì chắc có sự tự-cao ấy. Phan Huy Ích trong triều Tây-sơn đã là kẻ thảo các bài ai điếu Bắc-cung hoàng-hậu (chúa Ngọc-hân cũ), làm ~~văn giảnh~~ thư chiếu dụ dân Qui-nhơn và bài hiểu-dụ các tướng Tây-sơn, thì ông thật là kẻ có tiếng hay văn nôm. Không lẽ ông lại diễn thành bài kém các bản cũ. Mà ta cũng không có thể ngờ rằng ông không biết đến các bài cũ, vì ông đã nói trong bài thơ trên đến sự trước ông đã có nhiều kẻ "tài giỏi ra diễn âm".

Vậy thì bài A thật là làm sau bài B ~~và các bản~~ và có lẽ là của Phan Huy-Ích.

Tóm lại, ~~[illegible]~~ lý-luận trên, căn-cứ vào những chứng còn có, đưa ta đến kết-luận tạm chắc là:

<u>Bài thường nói là của Đoàn Thị-Điểm là của Phan Huy-Ích, và bài B mới là của Đoàn Thị-Điểm</u>

Chỉ có ~~khi~~ khi nào họ Phan-Huy ở Thụy-khê còn giữ được bản cũ chép Chinh-phụ-ngâm và bài diễn của Phan Huy-Ích, ~~thì~~ cho biết ~~rằng~~ bài ấy ra sao — hoặc bài A, hoặc bài khác các bài A, B, C, D thì mới ~~giải quyết hoàn toàn~~ có thể có một tia sáng mới ~~đưa~~ giọi vào vấn-đề khó giải này.

Trước đây ông Nguyễn Hữu-Tiến [Nam-phong số 186] ~~rằng~~ đã nói rằng bài A là của ~~Đ~~ Phan Huy Ích, nhưng lý-luận của ông chỉ vin vào bài thơ của Phan Huy Ích mà thôi. Như thế thật là không đủ.

Ông Hoàng Thúc-Trâm [Tri-tân số 26] xét vấn-đề ấy kỹ lưỡng hơn và kết luận rằng: « bây giờ nếu chưa đủ chứng cớ bảo ~~[illegible]~~ là của người khác, thì ta hãy cứ cho Đoàn-Thị-Điểm là dịch-giả như đời vẫn thường truyền ».

Nhận-định như trên rồi, còn dư hai bài C, D thì không biết có thể là của ai. Bài C ~~theo~~ chép trong bản Vc chắc làm trễ đời Lê, và có lẽ là của Nguyễn Khản chăng? Bài ấy có một ít câu gần giống ở bản A. Phan Huy-Ích chắc đã xem bản ấy trước lúc diễn lại. Đến như bản D, thì nay tôi không còn bản nôm nữa, cho nên không có ý gì về gốc nó.

Những bài phỏng theo Như trên kia đã nói, ~~đã~~ ~~Hồng-liệt-bá~~ bài Chinh-phụ-ngâm của Đặng Trần Côn đã được các nhà Hán-mạc thưởng-thức, và đã có thượng-thư bộ ~~H~~ hình, Hồng-liệt-bá đã soạn một bài Chinh-phụ-ngâm để đối-chọi lại, theo từng ~~câu, từng điệu~~, ~~c~~ từng chữ, từng câu, từng ~~điệu~~ vần (không họa) và từng điệu. Bản nay còn sao bị mất chừng 10 câu, rải rác trong bài. Không biết rõ Hồng-liệt-bá có phải là một trong những người diễn Chinh-phụ-ngâm không?

Về phần quốc-âm, còn có nhiều bài ca làm theo những ý có sẵn trong Chinh-phụ-ngâm của Đặng Trần-Côn

Hai bài E, F đều được chép trong bản Vc

Bài E là của một người họ Nguyễn, hiệu Bạch-liên-am, người làng Trung-nghĩa, huyện Gia-lâm, xứ Kinh-bắc (tỉnh Bắc-ninh ngày nay). Người nầy sống vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn. Nay còn có để lại một tập thơ thất ngôn, ~~g~~ đề là « Ung-oản thi »

Còn ông Thuần-phong [Chinh Phụ-ngâm-khúc giảng-luận trg trang 22] vui vào sự so-sánh bài A với các bài Gánh gạo đưa chồng của Nguyễn Công-Trứ và ~~đặc~~ là bài Ai-tư-vãn (nói là của cựu công chúa Ngọc-hân) rồi ông kết: « Bà Đoàn Thị-Điểm chánh là tác-giả của bản Chinh phụ ngâm-khúc diễn nôm hiện-hành ». Những nhận chứng ấy ~~không đủ để kết-luận rằng bài Ai-tư vãn~~ thật là không đủ ~~[illegible] kết-luận~~

Bài F không biết ai làm. Về nội-dung, theo sát ~~Chữ~~ bài Hán-văn hơn bản E, mà lại có một vài câu gần như văn ~~trong~~ ở bài A.

Hai bài ~~E~~B làm bằng thể-văn lục bát, lời ~~tr~~ lưu-loát, ~~nhưng~~

Trong các bản khắc bán ở phố Hàng Gai ngày trước còn có một bản ~~g~~ cũng gọi là "chinh-phụ-ngâm", nhưng ~~văn~~ nội-dung là một bài văn bảy vần lục-bát, giá trị thường, gồm 76 vế. Sau đây tôi sẽ phụ-lục, và gọi là bài G.

Và chăng cái vấn-đề «chinh-phụ ngâm» rất thông thường. Chắc nhiều thi-sĩ đã được nó khai-hứng. ~~Các bài~~ Những bài về loại ấy chắc còn có nhiều, như bài Chinh-phụ dạ-tình, mà ông Trúc-khê đã cho biết -()

TIỂU-SỬ TÁC-GIẢ

1- Đoàn Thị-Điểm . Sách Tang thương ngẫu-lục đã ghi một vài đặc-điểm trong đời Đoàn Thị Điểm, nhưng tiếc lại chép có chỗ sai. Nay còn có gia-phả họ Đoàn, do ~~cả~~ chồng cháu nội của anh bà thảo ra.(1) Đó là bản "Đoàn Thị thực-lục" mà ông Trúc-khê đã cũng trích dùng trong sự khảo-cứu.

a, Họ .-

xứ ~~Kinh~~ Kinh-bắc, tỉnh Bắc ninh ngày nay

Họ bà nguyên là Lê, đến đời thân-phụ bà mới đổi ra họ Đoàn, quán làng Giai-Phạm (nay là Hiến Phạm, huyện Văn giang

Ông thân tên là Đoàn Doãn-Nghi, là kẻ ~~có tên~~ khai-khoa cho họ. Ông đậu hương-cống rồi ở nhà dạy học. Sự đặc biệt trong đời ông là đã bỏ vợ ~~để cầu cưới~~ nhà giàu đó cho mẹ chọn

(1) Xem Thuần-Phong. tr. 209

~~Trong sách~~ Ông Thuần Phong nói tác giả là rể Đoàn Luân, là Khắc-Đình.

để cầu lấy một cô gái nhà quan có sắc đẹp.

Thực-lục còn ghi chuyện ấy. Ông trú học ở Thăng-long. Thường đi qua phường Hà-khẩu (xóm Hàng Bạc ngày nay) thấy nhà quan võ Thái-linh bá họ Vũ (quê làng Vũ-điện, huyện Nam-xương) có con gái đẹp, « thái-độ nhàn-khoan; kim chỉ, nữ-công lại càng tinh-diệu » Ông bèn về xin mẹ đi giạm cho.

Chính bà họ Vũ ấy sinh ra một giai, một gái, là Doãn-Luân và ~~Đoan~~ Thị-Điểm, đều là những kẻ tài-hoa thông-minh, thanh-nhã.

Doãn-Luân rất thông-minh, ba tuổi đã biết chữ, năm tuổi làm văn, mười tuổi đã học hết kinh, sử, và sách chư-gia.

b, ~~Tiểu~~ ở cùng cha mẹ

Thị-Điểm là em, sinh năm ~~Ất~~ Dậu 1705. Tính chất thông-minh về người thanh-tú. « Bà sinh dung-sắc kiều-lệ, cử-chỉ đoan-trang. ~~Nói ra thành~~ Lời nói văn-hoa, cử làm lệ-độ » Vì thế mà sớm được nổi danh.

Năm 16 tuổi (1720), thượng-thư Lê Anh-Tuấn đưa về nuôi làm con, định để tiến vào cung chúa. Nhưng cô không chịu, bèn về cùng anh theo cha tới chỗ cha dạy-học, là làng Lạc-viên ở huyện Yên-dương (Hải-phòng ngày nay). Bà học tập cùng cha anh, mà ~~quên~~ nhãng đường gia-thất

~~Bà vốn~~ Không những về hàn-uyển, bà sớm dự vào hàng giỏi, mà đến việc nữ-công, bà lại rất khéo. Xem như việc sau thì sẽ rõ.

« Bà từng chế hai cái đáy ~~bằng lụa~~ đựng phấn bằng đa-la. Ở đáy đáy có thêu: một cái thì thêu kiểu tam-hữu (~~cây~~ như cây tùng, trúc, mai) một cái thì thêu bát-quái, thật là tinh-xảo... Bà lại chế một cái đáy ~~bằng đa-la~~ phấn bằng đa-la nền đen, khắc hai câu thơ bằng chữ thảo của người Tàu viết, rồi may đa-la trắng điền vào, trông như chữ phấp viết vào nền đen » Thơ rằng: Tiện sử chủ-nhân năng túy khách, Bất tri hà-xứ thị hương nhân. Đáy này sau khi bà mất, để vào quan-tài

(bà thường mang theo người, và

Không hiểu vì lẽ gì mà đến năm bà 25 tuổi, chưa thấy ~~nói~~ thật-lục chép đến chuyện người tới giạm-hỏi. Phải chăng (Bà kén chọn)

tâm-kế làm ~~gì~~? Năm 1729, bà 25 tuổi, Thân-phụ mất ở chỗ dạy-học. ~~Bà~~ Cùng mẹ và anh, bà theo linh-cữu về quê táng, rồi ~~theo~~ đem nhau đến làng Vô-ngại, (tại huyện Đường-hào (Mỹ-hào ngày nay)) là chỗ anh ngồi dạy học

G) Gỡ cửa anh — Anh bà, là Doãn-Luân, ~~...~~ (Về đường tình-nghĩa,) là khác hẳn với bố. Anh đã giạm hỏi con gái Tiến-sĩ Lê Hữu-Mưu. Chưa cưới thì cô bị bệnh đậu làm cho mặt mày rất xấu. Chính họ gái cũng không muốn cô về nhà chồng nữa, thế mà ông nhất định không chịu bỏ lời hứa. Có lẽ vì thế, mà vợ ông không muốn ra mặt tiếp khách-thưa. ~~Bà~~ Thị-Điểm giúp anh về việc thù-tiếp. « Giúp anh tiếp khách, thì tuy dâng rau muối mà ~~ngon~~ hơn cả ~~giá~~ đồ ngon ».

Trong thời-kỳ này, ~~có~~ nhiều kẻ tới giạm-hỏi. Trong số, có Nhữ Đình-Toản, Nguyễn Công-Thái. Nhưng bà không thuận. « Bà chỉ chăm hầu mẹ, vui với đạo, bàn lý-học với anh, chứ không để phú-quí lụy tâm ».

d) Làm gia-trưởng — Ít năm sau, anh ~~đ~~ cũng mất. Bà đưa quan-tài anh về táng ở làng. Bà có soạn một bài (Bằng Hán) văn tế anh rất là thảm-thiết, kể rõ nỗi cha mất, mẹ già, vợ hoá, con dại, lời văn giản-dị mà rất não-nùng (Hạnh thục ~~...~~)

Sau đó, bà trở lại Vô-ngại ~~thay anh dạy học~~, nuôi mẹ già, giúp chị giúp nuôi (dạy) các cháu.

- Nhữ Đình Toản sinh năm 1701, người xã Trạch-hoạch, huyện Đường-an. Đậu tiến sĩ năm 1736. Sau làm quan đến thượng-thư, tham-tụng
- Nguyễn Công. sinh năm 1684, ~~đậu~~ người xã Kim-lũ, huyện Thanh-trì. Đậu Tiến-sĩ năm 1715. Sau làm quan đến thượng-thư, tham-tụng.
- Vợ phụ dạy.

Từ hôn Nhưng tuổi càng ngày càng cao, sự lại chạy càng ngày càng khéo. Bây giờ đến phiên những kẻ nhiều tuổi, có quyền cao, chức trọng mới gạm tới ~~k~~ văn-danh, và tự-nhiên là để làm ~~hầu thiếp~~ lẽ hay làm kế.

Trong số có ~~viên~~ một quan lớn họ ngoại chúa, là Bính-trung-công (tước công chỉ dành riêng có họ chúa), người phủ Quốc-oai. Nhưng bà nghĩ rằng họ ấy ~~không~~ có căn-bản ~~chắc~~ mỏng-manh. Cho nên tuy ~~cũng~~ vị ấy nhiều lần tới nạp lễ hỏi, mà bà vẫn thoái-thoác được. Một hôm, bà còn đang ngồi dạy cháu, thì thấy có chừng 60 viên, áo mũ chỉnh-tề, lễ nghi dàn bày, khiêng một cỗ ~~sau~~ xe, thẳng tiến vào nhà giữa, bày-biện lễ đồi dào.

e/ <u>Từ hôn</u> Bà lập tức tránh ~~xuống~~ ~~nh~~ sân sau. Chân dậm vào bùn, mình khoác áo thợ cày, tay xách cái gầu nhỏ, đi thẳng trước quan-quân mà ra. Vị quan kia thấy người như vậy không để ý và không hỏi tới. Cho người lục tìm bà, nhưng không thấy. Y bèn đem ~~bà~~ mẹ bà về kinh, mời ở trong nhà, tiếp-đãi rất hậu, để chiêu bà. Đợi hơn một tháng, không thấy tin bà; y bèn than rằng: « Phú quí không mê, ~~chi va~~ bần-tiện vẫn vui. Nam-nhi như thế cũng anh-hùng, huống chi con gái. Thật là nữ anh-hùng. » Y bèn đem lễ hậu đưa mẹ bà về làng.

Từ đó tiếng bà động cả triều-quận, ai cũng khâm mộ. Có người ở xã Lai-trang, huyện Đường-hào, có con gái được tiến vào cung và được chúa yêu. Người ấy mời bà vào cung dạy con gái mình. Muốn tránh các kẻ quyền-thế, bà bèn nhận lời, vào ở trong cung.

Không thấy <u>Thực-lục</u> chép rõ năm nào bà vào cung, và năm nào bà ra. Chỉ thấy chép rằng: « Tuy ở cung, nhưng bà vẫn có tin-tức về nhà luôn-luôn, không hề bỏ nhãng ~~việc~~ sự hiếu để trong nhà ».

Bây giờ là cuối đời chúa Trịnh Giang cầm quyền. Chúa hoang dâm, không lo đến triều-chính, lại thường đau, để các hoạn-quan chuyên quyền. Cho nên giặc-giã nổi lên khắp nơi.

f- Mở trường Năm Kỷ-vị (1739) các vùng lân-cận chỗ bà ngụ-cư, như chợ Yên-bình, làng Mị-thụ đều bị tàn-phá. Bà bói một quẻ (bà tinh-thông các môn bói), biết rằng đất Vô-ngại sẽ là chiến-trường. Bà bèn bỏ đất ấy, đem mẹ về ở nhà một người học-trò ở xã Chương-dương, ở bờ tây Hồng-hà, phía nam Hà-nội ngày nay. ~~Bây g~~

Bây giờ bà đã 35 tuổi. Bà thường nói: « Xem qua chuyện các con gái đời xưa, kẻ có tài-học không ít, nhưng chưa từng có kẻ dạy học-trò đậu-đạt » Bà bèn mở trường dạy học-trò. Sau có Đào Duy-Doãn (1) người Chương-dương đậu tiến-sĩ.

Có lẽ trong thời kỳ này, bà thường được các sĩ-tử ở Thăng-long tới yết. Chuyện Đặng Trần Côn kể trên nếu có xảy ra chắc vào khoảng này. Chuyện Vũ Diễm cùng các bạn tới thăm bà chắc cũng vào khoảng này. Các ông được bà ~~tặng~~ thách ra cho ~~câu đố~~ một câu ~~với~~ « Đình tiền thiếu-nữ khuyến Tân-lang », không đối được bèn phải thán-phục mà về.

g- Nguyễn Kiều hỏi.- Ở đây, gần chốn kinh-kỳ, làm văn-nhân tài-tử biết tiếng, cho nên trong các đám văn-hào, quyền-quí hỏa vợ, có kẻ tới vấn-danh bà lần nữa.

« Một hôm, ~~phu~~ bà đang ngồi giảng bài, học trò ngồi nghe có hơn 50 viên. Thình-lình trước rèm tre gió thoảng qua một người từ ngoài tiến vào. Sau lưng theo sau có vài ba đầy-tớ, mang một hộp sơn son thiếp vàng. ~~Tr~~ Mở hộp có phong thư gắn kín. Phu-nhân mở xem, thì là thư của quan thị-lang người Phú-xá, tên Nguyễn Kiều (). Gửi tới cầu hôn.

« Đọc xong, bà than rằng: "Ta khi trẻ đợi ~~lâu~~ kẻ tới cầu

Đào Duy Doãn sinh năm 1729, đậu Tiến sĩ năm 1763. Bây giờ mới hơn mười tuổi.

Vũ Diễm người làng Thổ-vượng, huyện Thiên-lộc, sinh năm 1705, đậu Hoàng-giáp năm 1739

Nghĩa thật là: "Trước sân gió thoảng mời cây cau". Nghĩa trại: "Trước sân cô gái mời chàng rể" Chữ thiếu-nữ ~~thư~~ thường chỉ gió mát. Chữ Tân-lang là cau, đồng âm với tân-lang là rể mới.

hôn. Trải qua hơn 20 năm nay. Cuối, ta không quan-tâm đến việc ấy nữa. Ta tự bảo rằng hạng giai-nhân tài-tử từ xưa vẫn hiếm. Chỉ bằng rửa sạch lòng trần, an-nhàn nuôi lấy khí ~~thanh~~ tướng thanh-bình. Vì vậy ta đã không nghĩ đến chuyện chồng đã từ lâu. Người ấy là ai, mà lại tới lấy việc hôn-nhân làm ta phiền não" Rồi bà từ chối.

« Hơn mười ngày sau, ~~lại thấy~~ có quan thị-lang lại sai cháu mang thư tới nói: "Tôi việc quan rất bận, vó ngựa hoàng-hoa (đi sứ), đã gần ngày phải lên đường. Việc nhà ~~coi sóc định đoạt~~ không ai coi-sóc ~~định~~ cai-quản. Nghĩ rằng phu-nhân cũng nội-trợ tôi trước, tình là chị-em, phận là keo-sơn. Nếu phu-nhân bằng lòng đùm-bọc cho, thì thật là may cho cả nhà »

« Lời thư rất khẩn-thiết, tình tả rất thê-lương. Bà nghe, có phần thương-xót. Nhưng nhà ~~t~~ giảng thanh-~~nhàn~~ sẵng, cõi tình êm-đềm. Bà ghét sự phiền nên còn ngần-ngại. Học-trò ai ai cũng bàn-tán khuyên ~~bà nhận bà~~ mẹ bà nhận lời. Bất-đắc-dĩ bà mới nhận » Bà nhận chắc (Kỳ) phải được làm bà (lễ sư ~~thụ biên~~)

Ấy và năm ~~174~~ Tân-dậu 1741. ~~Cưa~~ Bà ~~về nhà~~ thấy chốc lát trở nên kế-thất quan "sư" Nguyễn Kiều. ~~Về~~ Cưới vợ chưa được một tháng, Nguyễn Kiều sung chức Chánh-sứ, phải lên đường đi ~~thanh~~ Bắc-kinh ở nước Thanh, để tuế-cống (lễ sư thụ biên)

Bà ở nhà thay chồng coi gia-sự, nuôi ~~dạy~~ các con chồng, xem như con mình, dạy-dỗ thay bậc sư-phụ.

Chồng đi sứ lần này, ba năm mới về, vì trên đường về

[Margin note, with an arrow pointing to "Ấy và năm…":] nghĩ: bà sư, mà bác vì bà lấy được Nguyễn Kiều là một kẻ nổi tiếng tài-danh, đậu đại-khoa (?) khi mới 21 tuổi. Ông bây giờ 47 tuổi

b) Chồng đi sứ

Phó sứ là Nguyễn Tông Khuê và Đặng Mậu

có giặc bên Thanh, sứ-bộ phải [illegible] đi tránh

Sách Thực-lục nhắc lại hai câu thơ bà làm lúc 16 tuổi để thích-thực đầu-đề "Nhất nhật bất kiến như tam thu hề" đã kể trên kia, và nói rằng câu ấy thành câu sấm, ứng với cảnh bà lúc bấy giờ.

i, Đời sum họp

Đến khi Nguyễn Kiều đi sứ về, vợ chồng sum-họp. Tuy bà làm hết bổn-phận vợ, nhưng tâm không hoàn-toàn phục chồng

Nguyễn Kiều (sinh năm 1695) nguyên có tiếng tài-hoa. Mới 21 tuổi đã đậu tiến-sĩ. Cho nên có tính tự-phụ là

E1 tài-danh. [« Bà thấy vậy, muốn tìm cách làm cho chồng hiểu, để bớt lòng kiêu. Bà bèn bảo các học-trò bà đi lấy đầu bài ra ở các trường có tiếng đem về. Hai vợ chồng làm mỗi người mỗi bài; ~~như thế rồi đem so quyển~~. Đến lúc phê-bình thì bài chồng tuy không bằng bài vợ, nhưng chồng vẫn cãi gượng, ~~có lẽ để giảm bớt~~

Bà hạ than rằng: « Ta thường ~~bảo~~ nghĩ rằng những kẻ đậu cao, đậu sớm chắc là có tài-đức hơn người. Không ngờ theo đuổi học đi thi, chỉ mượn câu văn chải-chuốt ~~lời~~ mà nổi tiếng. Một ngày đọc một nghìn câu như vậy thì cũng có ăn-thua gì đến nghĩa-lý đâu. Ông này không phải là không ~~hay thơ~~ biết làm thơ. Nhưng về kinh luân thì còn kém »

Bà đợi cơ-hội để tỏ cho chồng thấy sự thiếu-sót ấy. Gặp lúc ở trường Quốc-tử-giám (trường nhà nước ở Văn-miếu) mở kỳ thi. Có các quan danh-tiếng nhất về văn-chương chấm thi, ~~lại có cả các triều-thần thường cũng~~ ra bài phú "Quốc-gia như kim-âu". Ông và bà đều làm mỗi người một bài. Một người đề thế «Thục-nữ»

một người đủ thể « mượn lời » tức là lời bịa ra câu chuyện giữa hai người bàn chuyện. Xong rồi thì bài của bà lời khéo và đẹp, từ chất và đủ, ~~hơn~~ thật là ở trên hàng bài ông. Bấy giờ ông mới tỉnh-ngộ biết mình không bằng vợ.

Hằng ngày, ông mới cùng vợ làm thơ, người xướng người họa. Vợ chồng hòa-hiệp, cùng nhau bàn chuyện thiên-văn, lý-số, lời đoán không sai.

Mùa hè năm Bính-dần 1746, ông làm việc ~~xa~~ xong vào nhà tư-thất, nói chuyện suông, cùng bà phê-bình thơ, lựa điểm vần ~~cũ~~ cũ để xếp làm thi-tập của vợ chồng. Thoắt thấy ~~mưa~~ rèm tung, gió thổi bụi bay. Bà ngồi ~~ngẫm~~ lặng ngẫm-nghĩ, bấm đốt tay mà tính. Rồi bảo ông rằng: « Bắc-khuyết vân-bình chiêu thiếp thụy. Nam-thùy xuân-vũ trước quân ân » nghĩa là: ~~B~~ Cửa Bắc xe mây điềm thiếp rạng. ~~Miền~~ Bờ nam, mưa xuân tỏ ơn vua. Ý bà là nói luồng gió thổi xa rồi là điềm bà sắp mất và chồng sắp được thăng quan đi vào miền nam.

~~Nhưng~~ Ông hỏi vặn bà. Hỏi đi, hỏi lại, ~~b~~ nhưng bà không giảng thêm gì nữa. Chưa qua đầy ba ngày thì quả-nhiên ông được mệnh vào coi việc trấn Nghệ-an (chắc là chức Hiệp trấn)

b) Mất ở Nghệ-an

~~Khi ông sửa~~ Ông ~~rủ~~ bảo bà ~~th~~ cùng đi. Bà ~~nói~~ lấy cớ có việc nhà xin ở lại, giả nói rằng để đi sau khi ông có nơi. Bất-đắc-dĩ, bà vào chào mẹ mình rồi cùng ông xuống thuyền, theo đường sông vào Nghệ.

Cuộc đi này, ~~là cuộc~~ rất là lý-thú. Tuy vợ chồng đứng tuổi, nhưng ~~hai vợ chồng~~ chẳng khác như mới cưới nhau. Buồm theo gió đi ~~ba~~ hay nghỉ đậu, khi đêm ngắm sóng, khi ngày trông núi ~~xanh~~ nhấp nhô. Điều

rượu lưu ở hai bên đồng, giường giao có quạt bày đối bên. Khi sương thu lạnh, khi nắng thu đẹp. Cảnh trí rất là đẹp, tâm-tình rất là hoà. Vợ chồng ~~hoà~~ thơ có ~~đôi~~ đều đàn cũng có làm thơ.

~~Đi sau sáu ngày~~ Thuyền xuôi sông Nhị qua ~~Hải~~ ~~hưng~~ Châu cầu vào Vân sàng, ra cửa Thần-phù liền vào sông Thanh-hoá. ~~Năm sáu ngày sau tới~~

Thuyền đậu lại ở bến đền Sòng. Đêm lặng, cảnh khuya. Người người đều ngủ. Ấy lúc bà đang nghĩ đến bố mẹ. Bèn đem đọc sách, chưa nhắm mắt ngủ được.

~~Đêm khuya gió lạnh, bà thui thủi ngồi~~

« Thoắt nghe bên bờ có tiếng ~~nhạc~~ ~~xe~~ nhạc xe đưa đón dần dần tới gần, mùi hương lạ nực trong thuyền. Thình lình thấy mình như mình lên xe. Rồi sực tỉnh dậy. Bà biết là điềm xấu, không lấy làm vui »

Chắc là bà bị lạnh. Nên ~~ăn~~ liền đau. Giường ăn uống bệnh một ngày một nặng.

Năm sáu ngày sau vào đến trấn Nghệ-an. Ấy vào ngày mùng 4 tháng 8. Bệnh thế rất nặng. Ông tìm khắp thầy thuốc, cùng khắp đền chùa. Nhưng cũng không hiệu

Ngày 11 tháng 9 thì bà mất. Trước lúc mất, bà tự dậy ăn mặc chỉnh-tề, phong-thể như thường ngày. Bảo thị-tì mời ông vào, dặn-dò việc sau và bảo: « Chồng nên gây việc nhà vua cho yên ~~rồi~~ để về triều, kẻo phải ở ~~chỗ~~ lại lâu chốn biên cảnh gió bụi này » Nói xong thì mất. Bà thọ 42 tuổi.

Ông thương xót, thảm thiết vô-cùng. Làm lễ khâm liệm rồi để quan-tài một tháng ở trấn, để mai sớm chiều cúng tế. Rồi mới chọn ngày sai đưa về quê. Còn ông, mắc việc quan, không theo về được. Ông bèn lập đàn ~~tế~~ bài văn tế. Nay còn chép trong Thực lục (¹)

(¹) Trong khi có đi chơi ra vào xuôi một bài khác, chắc là bài tế lúc quan-tài còn ở Nghệ

Ô-hô! Hỡi nàng! Huệ tốt, lan thơm
Phong-tư lộng-lẫy. Cử-chỉ đoan trang
Nữ-đức trọn vẹn. Tài học ngỗ-ngàng.
Giáo mác bút bàn-luận. Gấm thêu dệt văn chương
Trong nữ-tông rất hiếm có như nàng.

Sao mà lại:
Sắc chẳng khác hơn Mạnh-quang
Con cái thiếu hơn Trang-Khương
[illegible] phi Từ, vui tại Bàn-môn
Sao hai có khổ đoạn, mà thiên-mệnh phụ-thường lắm thay!

Xưa. Tôi nghe tiếng nàng, bèn kết duyên hai họ.

Nuôi về nhà tôi, vẹn tròn đạo vợ
Bút nghiên tảo lo-học chuyên, nghề kim chỉ có thấy chẳng bỏ.

Lúc đàm luận cổ thi. Ngay xuống họa ca phú.
Ba năm cách bấc sĩ mộng liền hậu chau — Năm nghĩa trở về, mặt cười hoa nở.

Lúc nhàn rồi ấy vui vầy hài. Mới có chỗ trở vào xứ nghệ.

Đường dài chẳng ngại non sông. Tần tảo ngày chăm nơi trọ.

Đường sông nghĩ đắng gian nan. Một thằng liền đoái tới đó.

Một bệnh kịch thêm, trăm phương khôn chữa.
Đau chưa qua đã với khỏi. Quế đang thơm mà đã rũ
Rồng sâu, nước rộng. Này hỏi đi đâu? Khóc nát chân trời lạy tới quan nhỏ!

Nhờ muốn chèo thuyền lan sớm phát, đưa gia-liễn chồng về tại quê nhà để an táng, đem hận ý để đưa trai-chay

Nhưng nghĩa cũng thời hai. Sự đổi lòng ~~sa~~ tự
Một bước khai đời trần-sở – Một phần khó vẹn công tư
~~Tạm dùng bàn thờ~~ Trên bền ~~đền này~~ tiên, tạm dùng bàn thờ.
chanchứa ~~Hoa này~~ hai hàng ~~lệ~~ được; tình thương một lẽ đồn sơ
Sống gió xin đừng ~~kinh-sợ~~. Đường đi chớ ngại ~~chậm~~ trì-~~hãy~~ trễ
~~Hương hồn~~ ~~yên~~ ~~này~~ ~~giữ~~ ~~Từ tâm tới nghĩ buồn~~.
Hương hồn nàng yên vậy. ~~Lay mình~~ Có ~~ấp tới~~ thuở bấy giờ (?) kỳ khoảng.
Thụy hiệu.

l, Trước-tác

Trước tác bà chắc nhiều, ngoài những bài thi phú ~~cả~~ hai-vần và lời cử-nghiệp, mà nay không còn, bà soạn tiểu thuyết và dịch văn chinh-phụ.

Thực-lục nói nhà Nguyễn Nghiễm ở Tiên-Điền có bản biên chép tác-phẩm bà. Nay không còn nữa.

Về phần Hán văn, theo bài văn điếu ~~Nguyễn~~ Khản thì có: Vân-cát thần-nữ (chuyện ~~đời Đông~~ bà chúa Liễu hạnh, thờ ở đền Sòng) Yên-oanh đối thoại (có lẽ là ~~theo~~ để trọi lại với Tùng bách đối thoại của Đặng Trần Côn) Hải-khẩu Linh-từ (chuyện bà Chế thắng ở Tỉnh Hà-tĩnh) Yên-ấp liệt-nữ (chuyện vợ quan ~~...~~ Đinh nho Hoàn ở Hà-tĩnh).

Theo Thực-lục thì còn cao thêm Mai-huyền.

~~Theo~~ Phan Huy-chú (LTHC. quyển 45) kể sáu chuyện: ba chuyện đầu Hải-khẩu linh-từ, Vân cát thần-nữ, Yên ấp liệt nữ đã thấy trên và ba chuyện khác Hoành-sơn tiên-cục, Nghĩa khuyển khuất-miêu và Bích-câu kỳ-ngộ. Những số ngờ chuyện cuối này là của Đặng Trần Côn mà Ph. Huy chú lầm chăng? Hoặc giả bản nôm Bích câu kỳ-ngộ là người bà diễn âm (?)

Hiện nay sách Truyền kỳ tân-phả, khắc năm Gia long thứ 10 (T. [illegible] 1811) còn chép ba chuyện Hải-khẩu linh-từ, Vân-cát thần-nữ và An-ấp liệt-nữ, và ba chuyện khác mà tôi đã nói tới hồi mục Đặng Trần-Côn, là Bích-câu kỳ-ngộ, Tùng bách thuyết-thoại và Long-hổ đấu kỳ

Trong Thuần lục " Ba chuyện ~~Hải-khẩu~~ Vân-cát, Hải-khẩu và Yên-ấp sắp đem khắc thì chưa kịp làm đã bị giặc giã chiến tai nay đã thấy có truyền. Còn hai chuyện Yến-anh đối thoại và Mai-huyện thì thấy sao chép lầm nhiều, sai mất nguyên-văn. cho nên ít thấy truyền.

Bản dịch Chinh phụ ngâm, thì như tôi đã nói, có phải chắc là bản B

Hiện nay sách Truyền kỳ tân-phả, khắc năm Gia long thứ 10 (T.L. 1811) còn chép ba chuyện Hải-Khẩu linh-từ, Vân-cát thần-nữ và An-ấp liệt-nữ, và ba chuyện khác mà tôi đã nói tới trên mục Đặng Trần-Côn, là Bích-câu kỳ-ngộ, Tùy bạch thuyết-thoại và Long-hổ đấu kỳ

Trong Thuần lục "Ba chuyện ~~Hải Khẩu~~ Vân-cát, Hải-Khẩu và Yên-ấp sắp đem khắc thì chưa kịp làm đã bị ~~ta~~ giặc ~~giã~~ thất tán nhưng đã thấy có truyền. Còn hai chuyện Yến-anh đối thoại và Mai-huyện thì thấy sao chép lầm nhiều, sai mất nguyên-văn, cho nên ít thấy truyền.

Bản dịch Chinh-phụ ngâm, thì như tôi đã nói, có phải chắc là bản B